

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SNV ngày /3/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Nội vụ: 01 TTHC		
1	1.010815.000.00.00.H35	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	
II	An toàn vệ sinh lao động: 09 TTHC		
1	1.005449.000.00.00.H35	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	
2	1.005450.000.00.00.H35	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	
3	1.013337.000.00.00.H35	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	
4	2.000111.000.00.00.H35	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	

5	2.002340.000.00.00.H35	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	
6	2.002341.000.00.00.H35	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	
7	2.002342.000.00.00.H35	Thủ tục giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	
8	2.002343.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp.	
9	2.000134.000.00.00.H35	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	
III	Chính quyền địa phương: 01 TTHC		
1	1.012268.000.00.00.H35	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã (TTHC Cấp Tỉnh)	
IV	Công chức, viên chức: 08 TTHC		
1	2.002157.000.00.00.H35	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	
2	1.005394.000.00.00.H35	Thủ tục thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	

3	1.012299.000.00.00.H35	Thủ tục thi tuyển viên chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	
4	1.012300.000.00.00.H35	Thủ tục xét tuyển viên chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	
5	1.012301.000.00.00.H35	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý	
6	1.012933.000.00.00.H35	Thủ tục thi tuyển công chức	
7	1.012934.000.00.00.H35	Thủ tục xét tuyển công chức	
8	1.012935.000.00.00.H35	Thủ tục tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
V	Công tác thanh niên: 03 TTHC		
1	1.003999.000.00.00.H35	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
2	2.001683.000.00.00.H35	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
3	2.001717.000.00.00.H35	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
VI	Lao động: 07 TTHC		
1	1.000436.000.00.00.H35	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
2	1.009467.000.00.00.H35	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	
3	2.001955.000.00.00.H35	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	
4	1.000479.000.00.00.H35	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
5	1.000414.000.00.00.H35	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
6	1.000448.000.00.00.H35	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
7	1.000464.000.00.00.H35	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
VII	Lao động tiền lương: 01 TTHC		
1	1.004949.000.00.00.H35	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	
VIII	Người có công: 39 TTHC		

1	1.005387.000.00.00.H35	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	
2	1.010804.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt nam anh hùng”	
3	1.010805.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	
4	1.010810.000.00.00.H35	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	
5	1.010812.000.00.00.H35	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	
6	1.010818.000.00.00.H35	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
7	1.010819.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
8	1.010820.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
9	1.010822.000.00.00.H35	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	
10	1.010823.000.00.00.H35	Hưởng lại chế độ ưu đãi	
11	1.011380.000.00.00.H35	Thủ tục tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công đã chuyển ra quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	
12	1.011382.000.00.00.H35	Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đã chuyển ra	
13	1.011401.000.00.00.H35	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	
14	1.011402.000.00.00.H35	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	
15	1.004964.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	

16	1.010801.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
17	1.010802.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	
18	1.010803.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	
19	1.010806.000.00.00.H35	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
20	1.010807.000.00.00.H35	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	
21	1.010808.000.00.00.H35	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
22	1.010809.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	
23	1.010813.000.00.00.H35	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	
24	1.010814.000.00.00.H35	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	
25	1.010816.000.00.00.H35	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
26	1.010817.000.00.00.H35	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
27	1.010821.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
28	1.010824.000.00.00.H35	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
29	1.010825.000.00.00.H35	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	
30	1.010826.000.00.00.H35	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
31	1.010827.000.00.00.H35	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	
32	1.010828.000.00.00.H35	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	
33	1.010829.000.00.00.H35	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	

34	1.010830.000.00.00.H35	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
35	1.010831.000.00.00.H35	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	
36	2.001157.000.00.00.H35	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
37	2.001396.000.00.00.H35	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
38	2.002307.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
39	2.002308.000.00.00.H35	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	
IX	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ): 15 TTHC		
1	1.013017.000.00.00.H35	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp Tỉnh)	
2	1.013018.000.00.00.H35	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)	
3	1.013019.000.00.00.H35	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (Cấp tỉnh)	
4	1.013020.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)	
5	1.013021.000.00.00.H35	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (Cấp tỉnh)	
6	1.013023.000.00.00.H35	Thủ tục quỹ tự giải thể (Cấp tỉnh)	
7	1.012927.000.00.00.H35	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp tỉnh).	
8	1.012929.000.00.00.H35	Thủ tục thành lập hội (cấp tỉnh)	
9	1.012942.000.00.00.H35	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp tỉnh)	
10	1.012943.000.00.00.H35	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt đổi điều lệ hội (cấp tỉnh)	
11	1.012945.000.00.00.H35	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp tỉnh)	
12	1.012946.000.00.00.H35	Thủ tục hội tự giải thể (cấp tỉnh)	
13	1.012947.000.00.00.H35	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (cấp tỉnh)	

14	1.012948.000.00.00.H35	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (cấp tỉnh)	
15	1.013022.000.00.00.H35	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp tỉnh)	
X	Thi đua - Khen thưởng: 9 TTHC		
1	1.012392.000.00.00.H35	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	
2	1.012393.000.00.00.H35	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	
3	1.012395.000.00.00.H35	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh (cấp tỉnh)	
4	1.012396.000.00.00.H35	Thủ tục tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (cấp tỉnh)	
5	1.012398.000.00.00.H35	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề (cấp tỉnh)	
6	1.012399.000.00.00.H35	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề (cấp tỉnh)	
7	1.012401.000.00.00.H35	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đột xuất (cấp tỉnh)	
8	1.012402.000.00.00.H35	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho hộ gia đình (cấp tỉnh)	
9	1.012403.000.00.00.H35	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đối ngoại (cấp tỉnh)	
XI	Tiền lương: 1 TTHC		
1	2.001949.000.00.00.H35	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	
XII	Tổ chức - Biên chế: 12 TTHC		
1	1.009331.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
2	1.009332.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
3	1.009333.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
4	1.009320.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
5	1.009321.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

6	1.009319.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
7	1.009354.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, ngành, địa phương	
8	1.009355.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, ngành, địa phương	
9	1.009340.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm (công chức) thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
10	1.009914.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm (viên chức) thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
11	1.009352.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm (viên chức) thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
12	1.009339.000.00.00.H35	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm (công chức) thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
XIII	Việc làm : 25 TTHC		
1	1.000502.000.00.00.H35	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	
2	1.001823.000.00.00.H35	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
3	1.001853.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
4	1.001881.000.00.00.H35	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	
5	1.005132.000.00.00.H35	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	
6	1.005218.000.00.00.H35	Thủ tục Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	
7	2.000148.000.00.00.H35	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	
8	2.000839.000.00.00.H35	Giải quyết hỗ trợ học nghề	
9	2.002028.000.00.00.H35	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	

10	1.000105.000.00.00.H35	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	
11	1.000459.000.00.00.H35	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
12	2.000219.000.00.00.H35	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	
13	1.001865.000.00.00.H35	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
14	1.009811.000.00.00.H35	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh)	
15	2.000192.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
16	2.000205.000.00.00.H35	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
17	1.000362.000.00.00.H35	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	
18	1.000401.000.00.00.H35	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	
19	1.001966.000.00.00.H35	Thủ tục tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	
20	1.001973.000.00.00.H35	Thủ tục tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	
21	1.001978.000.00.00.H35	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	
22	1.009873.000.00.00.H35	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
23	1.009874.000.00.00.H35	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
24	2.000178.000.00.00.H35	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	
25	2.001953.000.00.00.H35	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	
XIV	Văn thư và Lưu trữ Nhà nước: 03 TTHC		
1	1.010194.000.00.00.H35	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc (Cấp tỉnh)	
2	1.010196.000.00.00.H35	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ (Cấp tỉnh)	
3	1.010195.000.00.00.H35	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ (Cấp tỉnh)	